

ÔNG NGHÈ TRƯƠNG GIA MÔ

Bùi Thụy Đào Nguyên

Trương Gia Mô (1866 - 1929) hiệu Cúc Nông, tên tự lúc đầu là Sư Thánh, sau đổi là Sư Quân, biệt hiệu Hoài Huyền Tử, khi làm quan ở Huế, còn được gọi là Nghè Mô, là một nhà nho, nhà thơ Việt Nam ở những năm đầu của thế kỷ 20.

I. Tiểu sử

Trương Gia Mô, nguyên quán ở Gia Định nhưng sinh quán tại làng Tân Hào, chợ Hương Điền, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Cha của ông là Trương Gia Hội (1822 - 1877), từng làm tri phủ Hoàng Trị dưới thời Tự Đức, được thăng chức Binh bộ lang trung, về sau làm tuần vũ Thuận Khánh (Bình Thuận và Khánh Hòa).

Năm 1867, khi Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây, ông theo cha "tỵ địa" ở Bình Thuận.

Năm 1877, cha mất, ông sống với mẹ. Vào năm 1892, đời vua Thành Thái, nhờ cha là quan nên ông được "tập ầm" làm thừa phái Bộ Công ở Huế. Chính vì có quan tước, cộng với sức học uyên thâm (*tương truyền, đêm khuya học bài buồn ngủ, ông tự đánh mình cho khỏi ngủ gục, ban ngày ông luôn mang sách theo để đọc những lúc rảnh rỗi*) nên nhiều người làm tưởng, gán cho ông học hàm tiến sĩ và gọi ông là "Nghè Mô".

Năm ngoài 20 tuổi, ông dâng lên vua một bản điều trần xin cải cách 5 việc:

1. Mở rộng trường dạy chữ Pháp ở các tỉnh, dịch sách Pháp và Trung Quốc ra chữ quốc ngữ để tiện phổ biến, nhằm mở mang dân trí.
2. Chấn hưng công nghệ thực nghiệp, mở rộng việc khai hoang, chăm sóc, chữa bệnh cho dân nghèo.
3. Cách chức bọn quan lại tham nhũng, sàng lọc bọn vô dụng trong bộ máy công quyền.
4. Lập nghị viện mở báo quán để rộng đường dư luận.
5. Chính đốn hương tục, đẩy mạnh việc giáo hóa trong xã hội, ngăn ngừa sự đồi bại.

Và xin được sung vào phái đoàn đi Pháp, nhưng cả hai đều không được triều đình chấp nhận.

Buồn bã, ông từ quan về sống ở miền Nam, giao du với những người như Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương.... để cùng vận động cải cách, canh tân cho nước nhà.

Được một thời gian, ông lại trở ra Bình Thuận. Ở nơi ấy, ông cùng Nguyễn Lộ Trạch mưu tính chuyện xuất dương, nhưng không thành. Sau khi Trạch chết, ông về dạy học ở Tân An và đi khắp nơi.

Từ Tân An, ông lại quay về Bình Thuận, ngụ tại làng Hà Thủy - Duồng (xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận ngày nay).

Năm 1904, Phan Châu Trinh từ quan rồi với bạn là Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cùng nhau "Nam du" vào năm 1905.

Khi đến Bình Thuận, Phan Châu Trinh đã kết bạn với Trương Gia Mô rồi cả nhóm cùng với các nhà nho ở đây tổ chức công ty Liên Thành, Trường Dục Thanh để truyền bá việc duy tân, cải cách. *(về sau, khi bị bắt giam ở Khánh Hòa ông đã xóa tên cốt để tránh liên lụy đến hoạt động của các tổ chức này).*

Năm Mậu Thân (1908) một cuộc đấu tranh lớn của nhân dân nổ ra ở Trung kỳ, nhằm chống chính sách xâm thuế của Pháp và Nam triều.

Kết cuộc, hàng loạt nhân sĩ bị lưu đày, bị tử hình, bị tù tội. Trong thời điểm đó, Trương Gia Mô cũng bị tù giam ở ngục Khánh Hòa vì tội đã tham gia "đảng kín". Bị giam một thời gian rồi được thả, ông trở lại Bình Thuận, khi tuổi đã ngoài bốn mươi.

Cuối năm 1909, nơi làng Hà Thủy, tổng Đa Phước, tỉnh Bình Thuận, ông gặp gỡ một thanh niên tên Nguyễn Tất Thành (sau này là Hồ Chí Minh), con của phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Biết Thành là con của bạn, lại có chí hướng, nên ông đưa Thành vào dạy học tại Trường Dục Thanh (Phan Thiết).

Tháng 9 năm 1910, Trương Gia Mô cùng Hồ Tá Bang, Trần Lê Chất đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn để Thành tìm cách sang Pháp.

Trở lại Nam, Trương Gia Mô đi khắp miền Tây, liên hệ với nhiều bạn chí sĩ, nhà thơ, bạn cũ như Nguyễn Sinh Sắc, Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương, Đông Hồ, ...

Những năm cuối đời, phần vì tuổi cao, nhiều bệnh, phần bị mật thám theo rình rập, thêm nỗi luôn sống trong tâm trạng phần uất của một người bất đắc chí, nên Trương Gia Mô đã tự tìm quên trong men rượu và thuốc phiện. Trong một bài thơ, ông đã viết:

*Sầu đông càng gạt lại càng đầy,
Cũng muốn khuây mà khó nổi khuây!*

Cuối cùng, vào một đêm hạ tuần tháng 12 năm 1929, ông đã lao mình từ trên tháp cao trên đỉnh núi Sam (Châu Đốc) xuống vực sâu để kết thúc đời mình.

Dân làng Vĩnh Tế chôn cất ông ở dựa chân núi Sam, phía sau nghĩa địa Triều Châu.

II. Tác phẩm

Trương Gia Mô sáng tác văn chương khá nhiều. Nhưng trước khi tự vẫn, ông đã cho chôn tất cả vào một nơi mà ông gọi là "Cúc Nông trũng thư", nghĩa là "mồ chôn sách của Cúc Nông".

Trên ngôi mộ sách có hai câu đối:

Hán học, hà niên phục
Di biện tử nhật tàng.

Tạm dịch:

*Hán học biết năm nào mới khôi phục được,
Cho nên những gì còn lại, ngày người mất, nên chôn hết cho rồi.*

Hiện nay chỉ còn lại 35 bài thơ chữ Hán trong tập "Cúc Nông thi thảo", 10 bài thơ Nôm đăng trên báo Nam phong, một bài "tán" đề trên tường đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá và một số bài thơ truyền khẩu khác...

Trích một bài:

Dạ phiếm Vĩnh Tế

(đêm đi thuyền trên kênh Vĩnh Tế)

Nguyễn Nam dịch:

*Suốt đêm phơi sương móc
Tinh tú cũng bồi hồi
Kênh thẳng hơn tên bắn,
Muỗi kêu, sấm đổ nhồi.
Khi đôi nhà mới ló
Áy dạ thăm mưa rơi.
Nổi lo ở phía trước
Đi nhé, chớ lẫn hồi.*

III. Tưởng nhớ

Nguyễn Văn Hầu cho biết:

"... Nhìn vóc dáng bên ngoài thấy cụ (ý nói Trương Gia Mô) lưng rùa, mắt lé, cử chỉ rụt rè, người ta không mấy tin tưởng. Nhưng ai hay một lòng thanh khiết, một chí khí họa nhiên đã ẩn tàng trong đó. Cụ gặp việc lớn không hề biết sợ. cũng không thềm bặt tâm đến gia đình. Sức học cao như vậy mà cụ không có trong tay một chút gì gọi là sản nghiệp. Bao nhiêu sức hơi, tâm não, cụ đều gom vào việc nước, việc dân...(Nửa tháng trong miền Thất Sơn", NXB Trẻ, 2006, tr.74)

Có thể chính vì vậy, nhận được tin Trương Gia Mô mất Các báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ như tờ Thần chung, Phụ nữ tân văn... đã đưa tin và bình luận về cái chết của ông với thái độ nể trọng và tiếc thương vô hạn. Nhiều trí thức và học giả nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đông Hồ...đều có thơ điếu ông.

Thơ điếu của Phan Bội Châu:

*Em muốn thăm anh chữa kịp vào
Đi đâu? anh vội trốn tìm sao?
Lánh Tần may có nguồn đào nữa,
Tìm Tống e không mảnh đất nào.
Mây bạc non sông người vắng vẻ,
Chim vàng đưa gió bạn lao xao.
Giang Nam còn phú کیا ai nhớ,
Máu quốc đầu gành mấy đoạn đau.*

Đông Hồ có cặp đối điếu:

*Đành yên một giấc nghìn thu, Châu Đốc há rằng quê quán khách,
Trót hẹn chiếc thân bốn bể, Việt Nam đâu cũng nước non nhà.*

Và mấy dòng ngâm ngùi sau:

*Non Sam muốn hỏi người xưa,
Mây nước chạnh đau lòng hậu bối;
Thành Trúc qua thăm dấu cũ,
Cỏ cây còn nhớ khách cao hiền.*

Hiện nay, ở Châu Đốc có một ngôi trường mang tên ông và trên đỉnh núi Sam có lập một ngôi miếu thờ ông.

Bùi Thụy Đào Nguyên, biên soạn.